

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2018/DS-PT

Ngày: 28/9/2018

V/v tranh chấp HĐ dân sự vay TS

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2018/TLPT-DS ngày 29 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 264/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Cẩm L, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 1, ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1960 và ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961; Cùng địa chỉ: Số 5, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà B vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), ông B có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm L trình bày:

Vào năm 2017, bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn Văn B có vay của bà L 04 lần tiền, tổng cộng là 300.000.000 đồng. Cụ thể: Lần 1, ngày 16/3/2017 âm lịch, vay

80.000.000 đồng; Lần 2, ngày 02/5/2017 âm lịch vay 80.000.000 đồng; Lần 3, ngày 11/6/2017 âm lịch, vay 40.000.000 đồng; Lần 4 ngày 11/9/2017 âm lịch, vay 100.000.000 đồng. Sau đó, bà B và ông B trả cho bà được 50.000.000 đồng, còn nợ 250.000.000 đồng, bà B và ông B hẹn nhiều lần nhưng không trả. Đến ngày 26/11/2017 âm lịch, bà B và ông B đến nhà bà L, ông B trực tiếp viết biên nhận nợ 250.000.000 đồng và thỏa thuận trả mỗi tháng 25.000.000 đồng nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Nay, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà B và ông B liên đới trách nhiệm trả cho bà L số tiền vay còn nợ (gốc) là 250.000.000 đồng. Do có mối quan hệ họ hàng nên bà L không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Đỗ Thị B trình bày:

Bà B thống nhất năm 2017 bà B có vay tiền của bà L 04 lần và đã trả được 50.000.000 đồng, còn nợ 250.000.000 đồng như bà L trình bày. Mục đích vay của bà B là để làm vốn trong thời gian làm chủ hụi và trả nợ người khác, việc bà B vay tiền của bà L ông B biết nhưng ông B không trực tiếp đi nhận tiền. Nay, do bà B vỡ hụi, nợ nhiều người nên ông B trình bày không biết và không thống nhất cùng với bà B trả nợ, nhưng về trách nhiệm gia đình thì ông B vẫn thống nhất liên đới cùng bà trả nợ cho những người bà đã nợ khi có quyết định hoặc bản án của Tòa án.

Bà B thống nhất liên đới cùng ông B trả cho bà L số tiền vay còn nợ là 250.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Bà B là vợ ông B, việc bà B vay tiền của bà L, ông B không biết. Ông B không nợ bà L số tiền 250.000.000 đồng do ông B không có trực tiếp đi vay tiền và không nhận tiền vay, ông B không ký vào 04 biên nhận tiền vay. Đối với việc ông B viết và ký tên vào biên nhận ngày 26/11/2017 là do bà L buộc ông B viết. Do đó, ông B không thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà L yêu cầu ông B liên đới với bà B trả nợ cho bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2018/DS-ST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Cẩm L đối với bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn Văn B.

Buộc bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn Văn B liên đới trả cho bà Võ Thị Cẩm L số tiền vay còn thiếu là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Võ Thị Cẩm L có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn Văn B chưa thi hành xong số tiền nợ trên thì hàng tháng phải chịu lãi theo mức lãi suất chậm trả được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 vào từng thời điểm thi hành án, đối với số tiền chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Cẩm L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; nên bà Võ Thị Cẩm L được nhận lại số tiền nộp tạm ứng án phí là 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm

năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002478 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn Văn B liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Ngày 02/8/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn B kháng cáo cho rằng bà B đã trả lãi suất 3%/tháng, số tiền 45.600.000 đồng nên yêu cầu điều chỉnh lãi suất, ông B cũng không thống nhất liên đới với bà B trả nợ cho bà Cẩm L.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm L trình bày: Đối với yêu cầu của ông B về điều chỉnh lãi suất thì bà L đồng ý trừ 10.000.000 đồng tiền lãi suất bà L đã nhận dư vào tiền vốn, bà L yêu cầu bà B và ông B liên đới trả cho bà L số tiền 240.000.000 đồng.

+ Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Đối với bà L đã đồng ý trừ 10.000.000 đồng tiền lãi suất nhận dư vào tiền vốn, như vậy tiền vốn còn lại là 240.000.000 đồng thì ông B đồng ý và ông B đồng ý để bà B trả cho bà L số tiền 240.000.000 đồng. Về trách nhiệm liên đới, ông B thừa nhận ông biết bà B chơi hụi là phục vụ kinh tế cho gia đình, nhưng ông B cho rằng khi bà B vay tiền của bà L thì ông không biết, ông không nhận tiền cũng như không ký tên vào 4 biên nhận nhận tiền. Ông B thừa nhận biên nhận ngày 26/11/2017 âm lịch ông B có viết và ký tên, nhưng là do bà L ép ông B ký. Cho nên, ông B không đồng ý liên đới với bà B trả số tiền vay 240.000.000 đồng cho bà L.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm với các lý do sau: Tại phiên tòa, bà L đồng ý trừ 10.000.000 đồng tiền lãi suất nhận dư vào tiền vốn, ông B cũng đồng ý theo sự tự nguyện của bà L, nên chấp nhận kháng cáo của ông B. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông B không đồng ý liên đới với bà B trả nợ cho bà L 240.000.000 đồng là không có căn cứ, vì ông B đã viết và ký tên vào biên nhận vay ngày 26/11/2017 và bà B thừa nhận số tiền vay này để chơi hụi lo phục vụ cho kinh tế của gia đình và trị bệnh cho ông B. Do đó, căn cứ các Điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ông B phải có trách nhiệm liên đới với bà B trả nợ cho bà L, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bà B. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà B.

[2] Xét kháng cáo của ông B yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, bà L đồng ý trừ 10.000.000 đồng tiền lãi suất đã nhận dư vào tiền vốn. Đối với ông B cũng đồng ý việc bà L trừ 10.000.000 đồng tiền lãi suất nhận dư vào tiền vốn, nên chấp nhận kháng cáo của ông B.

[3] Xét kháng cáo của ông B không đồng ý liên đới với bà B để trả nợ cho bà L là không có căn cứ. Bởi vì, mặc dù ông B không ký tên vào các biên nhận vay ngày 16/3/2017, ngày 02/5/2017, ngày 11/6/2017 và ngày 11/9/2017 (âm lịch), nhưng ông B thừa nhận ông B có viết biên nhận nợ ngày 26/11/2017 âm lịch cho bà L, nội dung biên nhận ông B thừa nhận vợ chồng ông B có nợ bà L 250.000.000 đồng. Đối với ông B cho rằng biên nhận này do bà L ép ông B viết nhưng ông B không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông B. Xét thấy, tuy ông B không phải là người trực tiếp vay tiền, nhưng ông B thừa nhận ông B biết bà B chơi hụi là phục vụ kinh tế cho gia đình. Điều này cho thấy bà B vay tiền của bà L thì ông B vẫn biết và thống nhất, cho nên ông B mới viết và ký tên vào biên nhận nợ ngày 26/11/2017 âm lịch. Mặt khác, theo bà B trình bày, bà B vay tiền của bà L để chơi hụi, làm kinh tế cho gia đình, một phần để trả tiền điều trị bệnh cho ông B. Do đó, có đủ căn cứ xác định bà B vay tiền là để làm kinh tế chung đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho gia đình ông B. Vì vậy căn cứ các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ông B phải có trách nhiệm liên đới với bà B để trả cho bà L 240.000.000 đồng là phù hợp.

Tại các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân gia đình quy định:

Điều 27. Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng

1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.

Điều 30. Quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình

1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Điều 37. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng

Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

1.....

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;

.....”

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ông B có trách nhiệm liên đới với bà B trả nợ cho bà L là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận một phần kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm, buộc bà B và ông B liên đới trả cho bà L 240.000.000 đồng. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Do không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L nên căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận.

$10.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 500.000 \text{ đồng}.$

Do bà B và ông B phải trả cho bà L số tiền 240.000.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $240.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 12.000.000 \text{ đồng}.$

Do Bản án sơ thẩm bị sửa, nên ông B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B.
- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 44/2018/DS-ST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Cẩm L.
2. Buộc bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn Văn B liên đới trả cho bà Võ Thị Cẩm L số tiền nợ gốc là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bà L có đơn yêu cầu thi hành án mà bà B và ông B chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại

khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị Cẩm L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng, khấu trừ 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số BG/2015 0002478 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, bà L được nhận lại số tiền 5.750.000 đồng (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

- Bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn Văn B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.000.000 đồng

- Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông B được nhận lại 300.000 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số BH/2017/0001780 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- TAND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (Hồng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh